

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẬP  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

V/v Tranh chấp về Hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP, TỈNH PHÚ THỌ**

***-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Mẫu.

*Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Trần Quốc Hùng.

- Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Cấn Trường Trung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Nga, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127 /TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39 /2020/QĐXXST ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị L, sinh năm 1982.

Trú quán: Khu Móc, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh Đinh Văn Th, sinh năm 1983 .

Địa chỉ: Khu Móc, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

*Những người có quyền lợi liên quan:*

+ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Thượng Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc Tr, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Khu Tân Tiến, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Triệu Thị D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu Móc, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu Cây, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn Chị Triệu Thị L trình bày: Chị và Anh Đinh Văn Th tự nguyện kết hôn, Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu Móc, xã Thượng Long đến nay. Vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Th thiếu quan tâm đến gia đình, lại còn hay uống rượu say, đánh chửi vợ con, đã nhiều lần khu phải giải quyết. Chúng tôi đã cố gắng để khắc phục và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được.

Nay chị xin được ly hôn anh Th để ổn định cuộc sống.

Bị đơn Anh Đinh Văn Th trình bày: về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị L trình bày là đúng. Mâu thuẫn xảy ra từ khi chị L đi làm ăn không được sự đồng ý của tôi, nhưng chị vẫn đi. Tôi có hay uống rượu say, đánh chửi vợ con, dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm. Chúng tôi đã cố gắng để khắc phục và được gia đình và khu góp ý nhưng không có kết quả.

Nay chị L xin ly hôn tôi nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh Th trình bày vợ chồng có một con chung là: Đinh Thị Thu Hằng, sinh ngày 07/ 7 /2005 . Nếu ly hôn chị L và anh Th thỏa thuận: Để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung: Chị L và anh Th trình bày vợ chồng có khối tài sản chung và đã được định giá với tổng giá trị là 150.000.000đ cụ thể như sau:

- 01 nhà gỗ ba gian, một trái lợp lá cọ, cột bằng bê tông, vách làm bằng bương = 10.000.000đ ;

- 01 giường loại 1,5 m = 1.000.000đ;

- Tường rào 60 m<sup>2</sup>, (móng sâu) xây gạch xi măng = 39.000.000đ;

- Đất thổ cư diện tích: 200,1 m<sup>2</sup> = 100.000.000đ, tại thửa số: 212, tờ bản đồ số: 52, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: BT 232035, ngày 28/3/2014, đứng tên ông Đinh Văn Thắng và bà Triệu Thị Liêm. Địa chỉ thửa đất: Khu Móc, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Có chỉ giới như sau:

Hướng Tây giáp đường liên thôn = 8 m;

Hướng Đông giáp đất do UBND xã Thượng Long quản lý = 8 m;

Hướng Bắc giáp đất thổ cư bà Trần Thị Tĩnh = 25 m;

Hướng Nam giáp đất thổ cư bà Triệu Thị Dư = 25 m.

Nếu ly hôn anh chị thỏa thuận: Tài sản chung chia đôi, chị L và anh Tài đều xin sử dụng hiện vật và thanh toán tiền cho bên kia.

Về vay nợ: Chị L và anh Th trình bày còn nợ như sau:

- + Nợ hợp tác xã dịch vụ SXNN, xã Thượng Long huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ: 40.000.000đ tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 30/6/2020 là 10.800.000đ;

- + Nợ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978, ở khu Cây, xã Thượng Long: 3.900.000đ tiền gốc;

- + Nợ Chị Triệu Thị D, sinh năm 1987, ở khu Móc, xã Thượng Long, số tiền là: 6.000.000đ; số tiền nợ vợ chồng đã thống nhất là: 60.700.000đ.

Anh Th trình bày: còn nợ chị Đinh Thị Đăng (chị gái anh Th), ở khu Dân Chủ, xã Thượng Long tiền mua nhà là 9.000.000đ.

Chị L không nhất trí vì chị trình bày là đã trả cho chị Đăng 9.000.000đ.

Nếu ly hôn anh chị thỏa thuận nợ chia đôi mỗi người trả ½.

và công sức: Chị L và anh Th đều trình bày không có nên thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

*Những người có quyền lợi liên quan trình bày:*

Ông Trần Quốc Tr là giám đốc HTX DVNN xã Thượng Long trình bày: Ngày 27/8/2018 anh Th và chị L có vay của HTX số tiền gốc là: 40.000.000đ, nợ tiền lãi đến ngày 30/6/2020 là 10.800.000đ. Nay anh chị ly hôn đề nghị anh chị phải trả cho HTX cả

gốc và lãi là: 50.800.000đ. HTX chỉ thu lãi đến 30/6/2020, còn từ ngày 01/7/2020 trở đi HTX không tính tiền lãi của anh chị nữa.

Chị Nguyễn Thị Th trình bày: Năm 2018 anh Th và chị L có vay của chị số tiền là: 3.900.000đ đến nay chưa trả. Nay anh chị ly hôn chị đề nghị anh Th, chị L phải trả cho chị 3.900.000đ tiền gốc, chị không yêu cầu trả tiền lãi.

Chị Triệu Thị D trình bày: Tháng 6/ 2018 anh Th, chị L có vay của tôi số tiền gốc là 6.000.000đ chưa trả. Nay anh chị ly hôn tôi đề nghị anh chị có trách nhiệm trả tôi 6.000.000đ tiền gốc ,tôi không tính lãi.

Chị Đinh Thị Đăng trình bày: Năm 2014 chị có bán cho vợ chồng anh Th ,chị L một ngôi nhà gỗ ba gian mà hiện nay anh Th, chị L đang sử dụng, với giá là 10.000.000đ. Anh chị đã trả được 1.000.000đ, còn nợ 9.000.000đ chưa thanh toán. Chị là chị gái của anh Th, do hoàn cảnh của anh Th và chị L rất khó khăn nên chị có ý định cho anh Th, chị L số tiền còn nợ là 9.000.000đ, cho nên từ đó đến nay chị không đòi nợ nữa. Nếu anh chị vẫn chung sống với nhau thì chị vẫn cho, còn nếu anh chị ly hôn thì chị không cho nữa mà yêu cầu anh Th, chị L phải trả cho chị 9.000.000đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật, bị đơn không có mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 55, điều 58, 59, 60, 81, 82 và điều 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, Khoản 1, 3 điều 228, 233 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 và điểm b khoản 7 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị Liêm và Anh Đinh Văn Th. Về con chung: Giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Đinh Thị Thu Hằng, sinh ngày 07/7 /2005 . Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Giao cho chị L được sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 nhà gỗ ba gian, một trái lợn lá cọ, cột bằng bê tông, vách làm bằng bương = 10.000.000đ ;

- 01 giường loại 1,5 m = 1.000.000đ;

- Tường rào 60 m<sup>2</sup>, (móng sâu) xây gạch xi măng = 39.000.000đ;

- Đất thổ cư diện tích: 200,1 m<sup>2</sup> = 100.000.000đ.

Tổng trị giá tài sản là: 150.000.000đ. Chị L phải thanh toán tiền chia tài sản cho anh Th là: 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

Về vay nợ: Chị L và anh Th mỗi người phải trả số tiền nợ chung của vợ chồng là: 30.350.000đ(ba mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) Nhưng giao cho chị L có trách nhiệm trả cả số tiền nợ của anh Th và được trừ vào số tiền chia tài sản mà chị L phải thanh toán cho anh Th. Như vậy chị L còn phải thanh toán tiền chia tài sản cho anh Th là: 44.650.000đ( bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)

Chị L phải chịu án phí ly hôn. Chị L, anh Th còn phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của Pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị L, anh Th để hòa giải theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L và Anh Đinh Văn Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ năm 2003, đây là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Th thiếu quan tâm đến gia đình, lại còn hay uống rượu say, đánh chửi vợ con, đã nhiều lần khu phải giải quyết. Anh chị đã cố gắng để khắc phục và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được.

Nay anh, chị đều tự nguyện thuận tình ly hôn là đúng thực tế, phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh Th có một con chung là Đinh Thị Thu Hằng, sinh ngày 07/ 7 /2005. Nếu ly hôn chị L và anh Th thỏa thuận: Để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành. Việc anh chị thỏa thuận người nuôi con là đúng pháp luật. Chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con là do chị tự nguyện, nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh chị có tổng giá trị tài sản là: 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Nếu ly hôn anh chị đều thỏa thuận là chia đôi mỗi người  $\frac{1}{2}$  là phù hợp với quy định của luật hôn nhân gia đình. Cả anh, chị đều xin được sử dụng và sở hữu bằng hiện vật và thanh toán  $\frac{1}{2}$  bằng tiền cho bên kia.

Xét thấy: Nên giao toàn bộ tài sản bằng hiện vật cho chị L sử dụng và sở hữu, chị L phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho anh Th số tiền  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là: 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) là phù hợp bởi lẽ: Chị L là phụ nữ, lại là người trực tiếp nuôi con, chị đi làm có thu nhập, nên mới có khả năng thanh toán tiền chia tài sản cho anh Th.

Về số tiền 9.000.000đ nợ chị Đinh Thị Đăng, như chị Đăng trình bày trong lời khai ở trên, thể hiện là chị đã cho anh Th, chị L số tiền 9.000.000đ, cho nên từ năm 2014 đến nay chị không đòi nợ nữa. Nay anh chị ly hôn chị Đăng lại yêu cầu anh Th, chị L trả cho chị 9.000.000đ là không phù hợp nên không thể chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền nợ chung của vợ chồng là: 60.700.000đ (sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Anh Th, chị L thỏa thuận chia đôi mỗi người trả  $\frac{1}{2} = 30.350.000đ$  là phù hợp. Chị L đề nghị giao cho chị trả cả số nợ phải trả của anh Th là 30.350.000đ và được trừ vào số tiền chia tài sản mà chị phải thanh toán cho anh Th là: 75.000.000đ. Đề nghị của chị L không trái pháp luật và để bảo đảm quyền lợi của những người có quyền lợi liên quan trong vụ án, nên chấp nhận. Như vậy chị L còn phải thanh toán tiền chia tài sản cho anh Th số tiền là: 44.650.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Về công sức: Chị L và anh Th đều trình bày không có , không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn, chị L và anh Th còn phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điều 55, điều 58, 59, 60, 81, 82 và điều 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, Khoản 1, 3 điều 228, 233 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 và điểm b khoản 7 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 luật thi hành án dân sự.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Triệu Thị L và Anh Đinh Văn Th.

**2. Về con chung:** Giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là: Đinh Thị Thu Hằng, sinh ngày 07/ 7 /2005 . kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung:** Giao cho Chị Triệu Thị L được sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng trị giá: 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) . Gồm những tài sản như sau:

- 01 nhà gỗ ba gian, một trái lợp lá cọ, cột bằng bê tông, vách làm bằng bương = 10.000.000đ ;

- 01 giường loại 1,5 m = 1.000.000đ;

- Tường rào 60 m<sup>2</sup>, (móng sâu) xây gạch xi măng = 39.000.000đ;

- Đất thổ cư diện tích: 200,1 m<sup>2</sup> = 100.000.000đ, tại thửa số: 212, tờ bản đồ số: 52, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: BT 232035, ngày 28/3/2014, đứng tên ông Đinh Văn Th và bà Triệu Thị L. Địa chỉ thửa đất: Khu Móc, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Có chỉ giới như sau:

Hướng Tây giáp đường liên thôn = 8 m;

Hướng Đông giáp đất do UBND xã Thượng Long quản lý = 8 m;

Hướng Bắc giáp đất thổ cư bà Trần Thị Tĩnh = 25 m;

Hướng Nam giáp đất thổ cư bà Triệu Thị Dự = 25 m.

Chị L phải thanh toán tiền chia tài sản cho anh Th số tiền là: 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

**Về vay nợ:** Xử buộc anh Th và chị L mỗi người phải trả 30.350.000đ trong tổng số nợ chung của vợ chồng. Giao cho chị L đứng ra trả toàn bộ số tiền nợ chung của vợ chồng là: 60.700.000đ (sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) và được đối trừ vào phần thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Th, cụ thể trả nợ cho những người sau:

1, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Thượng long, người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc Tr- Giám đốc: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/6/2020 là 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng).

2, Chị Nguyễn Thị Th: 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng) tiền gốc;

3, Chị Triệu Thị D: 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền gốc.

Chị L còn phải thanh toán tiền chia tài sản cho anh Th số tiền là: 44.650.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả ; lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

**4, Về án phí:** Chị Triệu Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản. Anh Th phải nộp số tiền án phí chia tài sản là: 3.750.000đ ( ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Xác nhận chị L đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: A A/2020/ 0004188 ngày 25 / 5 / 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Chị L còn phải nộp án phí là: 3.750.000đ ( ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

**5.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án và người phải thi hành án được quy định tại điều 7 và điều 7a của luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử Chị Triệu Thị L được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Báo cho Anh Đình Văn Th và những người có quyền lợi liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND xã Thượng Long, H Yên Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Mẫu**